

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠ HUOAI
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-ST
Ngày: 24-5-2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Nguyễn Văn Lập
<i>Các Hội thẩm nhân dân:</i>	Ông Trịnh Văn Hà Ông Nguyễn Mạnh Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Quyên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST- DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Chính sách xã hội; trụ sở: số A, phố B, phường C, quận D, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th; Chức vụ Tổng Giám Đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Th H; chức vụ Phó Giám Đốc - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đạ Huoai. Theo văn bản số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Hồng H; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: Thôn A (thôn B cũ), xã C, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 20 tháng 12 năm 2021 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm của người đại diện theo ủy quyền bà Phan Th H – Phó giám đốc phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đạ Huoai như sau:

Ngày 16 tháng 6 năm 2018 giữa ông Nguyễn Văn Th (ông Th), bà Nguyễn Thị Hồng H (bà H) và Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đa Huoai (*sau đây viết tắt là Ngân hàng CSXH*) có ký Hợp đồng vay vốn. Theo đó bên cho vay (bên A) là Ngân hàng CSXH cho bên vay (bên B) là ông Th, bà H vay số tiền là 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*); mục đích ông Th, bà H vay vốn là để kinh doanh; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày đầu tiên Ngân hàng CSXH giải ngân cho ông Th đến ngày 16/6/2023. Số kỳ trả gốc 5, định kỳ trả gốc 12 tháng, ngày bắt đầu trả gốc là ngày 16/6/2019, số tiền gốc mỗi kỳ là 6.000.000 đồng, số tiền gốc kỳ cuối là 6.000.000 đồng. Mức lãi suất cho vay theo hợp đồng vay vốn là 9%/năm; lãi xuất nợ quá hạn là 11,7%/ năm. Theo đó, Ngân hàng CSXH đã giải ngân cho ông Th.

Ngày 16 tháng 9 năm 2018 ông Th, bà H tiếp tục vay vốn tại Ngân hàng CSXH. Theo đó, Ngân hàng CSXH cho ông Th, bà H vay số tiền là 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng*); mục đích ông Th, bà H vay vốn làm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày đầu tiên Ngân hàng CSXH giải ngân cho ông Th đến ngày 16/9/2023. Số kỳ trả gốc 10, định kỳ trả gốc 06 tháng, ngày bắt đầu trả gốc là ngày 16/3/2019, số tiền gốc mỗi kỳ là 1.200.000 đồng, số tiền gốc kỳ cuối là 1.200.000 đồng. Mức lãi suất cho vay theo hợp đồng vay vốn là 9%/năm; lãi xuất nợ quá hạn là 11,7%/ năm. Theo đó, Ngân hàng CSXH đã giải ngân cho ông Th.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản ông Th, bà H đã không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng vay vốn. Ngân hàng CSXH đã gửi giấy báo nợ đến hạn, thông báo đòi nợ nhưng ông Th, bà H bỏ đi khỏi địa phương, trước khi đi ông Th, bà H không thông báo nên Ngân hàng CSXH không biết hiện nay ông Thành, bà H đi đâu, ở đâu và làm gì; chính vì vậy đã gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn và quá trình xử lý thu hồi nợ. Để đảm bảo cho công tác thu hồi vốn, xử lý thu hồi nợ Ngân hàng CSXH. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai xử buộc ông Th, bà H có trách nhiệm trả nợ. Tổng số tiền nợ gốc, lãi phát sinh tạm tính đến ngày Tòa án xét xử (*ngày 24-5-2022*) là 55.533.428 đồng, trong đó nợ gốc là 42.000.000 đồng; tiền lãi phát sinh do chậm trả nợ là 13.533.428 đồng; buộc ông Th, bà H phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng vay vốn.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần thông báo, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho phía bị đơn là ông Th, bà H. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương thì được biết do làm ăn thua lỗ nên ông Th, bà H đã bỏ đi khỏi địa phương, đi đâu làm gì, do không khai báo tạm vắng nên chính quyền địa phương không biết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Phan Th H - Phó giám đốc phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi

kiện đối với bị đơn ông Th, bà H. Cụ thể đề nghị Tòa án buộc ông Th, bà H có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng CSXH nợ gốc, lãi phát sinh tạm tính đến ngày Tòa án xét xử (ngày 24-5-2022) là 55.533.428 đồng, trong đó nợ gốc là 42.000.000 đồng; tiền lãi phát sinh do chậm trả nợ là 13.533.428 đồng; buộc ông Th, bà H phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng vay vốn.

Về quan điểm của Viện kiểm sát:

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật về tố tụng.

- Nguyên đơn Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71; bị đơn ông Th, bà H không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng là đúng pháp luật. Người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa tham gia phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên bị đơn đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không đến tòa làm việc nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng CSXH. Đồng thời, buộc ông Th, bà H có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng CSXH số tiền 42.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của nguyên đơn, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn; các tài liệu có trong hồ sơ; xác minh thực tế tại địa phương thì ông Th, bà H có nơi cư trú tại thôn A (nay là thôn B), xã Đoàn Kết, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ đối với bị đơn đến Tòa tham gia tố tụng nhưng bị đơn đã bỏ đi khỏi địa phương và không thông báo cho Ngân hàng CSXH

được biết về địa chỉ cư trú hiện nay của bị đơn. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn của Bộ luật tố tụng dân sự nên xác định là bị đơn cố tình che giấu địa chỉ Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, vụ án này thuộc trường hợp có Đại diện viên kiểm sát cùng cấp tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 và Điều 23 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, do bận công việc đột xuất nên Kiểm sát viên được phân công tham gia phiên tòa không tham gia được phiên Tòa và có bài phát biểu gửi cho Hội đồng xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 232 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Kiểm sát viên được phân công tham gia phiên tòa theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngày 16 tháng 6 năm 2018 và ngày 16 tháng 9 năm 2018 giữa ông Th, bà H và Ngân hàng CSXH có ký hợp đồng vay vốn. Theo đó, Ngân hàng CSXH cho ông Th, bà H vay số tiền là 42.000.000 đồng (*bốn mươi hai triệu đồng*); mục đích ông Th, bà H vay vốn là để kinh doanh và làm nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn. Ngân hàng CSXH đã giải ngân cho ông Th, bà H. Quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn ông Th, bà H đã không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng đã ký kết, đồng thời đã bỏ đi khỏi địa phương nhưng không thông báo cho Ngân hàng CSXH được biết về địa chỉ cư trú hiện nay của bị đơn, chính vì vậy đã gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn và quá trình xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng CSXH và Ngân hàng CSXH đã khởi kiện ông Th, bà H tại Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai để yêu cầu Tòa giải quyết buộc ông Th, bà H trả nợ. Ông Th, bà H có nơi cư trú tại thôn 4 (nay là thôn 3), xã Đoàn Kết, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

Vì vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3.1] Xét các hợp đồng vay vốn (vay tài sản) giữa ông Th, bà H và Ngân hàng CSXH thì thấy rằng:

Căn cứ vào các hợp đồng vay vốn ngày 16 tháng 6 năm 2018 và ngày 16 tháng 9 năm 2018 giữa ông Th, bà H và Ngân hàng CSXH. Theo đó Ngân hàng CSXH cho ông, bà Th vay số tiền là 42.000.000 đồng (*bốn mươi hai triệu đồng*);

mục đích ông Th, bà H vay vốn là để mua kinh doanh và làm nước sạch, vệ sinh môi trường. Ngân hàng CSXH đã giải ngân cho ông Th, ông Th đã nhận đủ tiền. Quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn ông Th, bà H đã không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng đã ký kết (*vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chưa trả tiền gốc và tiền lãi phát sinh*). Tổng số tiền nợ gốc, lãi phát sinh tạm tính đến ngày Tòa án xét xử (ngày 24-5-2022) là 55.533.428 đồng, trong đó nợ gốc là 42.000.000 đồng; tiền lãi phát sinh do chậm trả nợ là 13.533.428 đồng. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3.2] Về lãi suất: Theo các hợp đồng vay vốn. Mức lãi suất cho vay theo hợp đồng là 9%/năm; nợ quá hạn và lãi suất quá hạn là 11,7%/ năm là phù hợp với quy định của pháp luật. Xem xét các bảng kê tính lãi của Ngân hàng CSXH là phù hợp. Do vậy, cần buộc bị đơn phải chịu trách nhiệm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng vay vốn.

[4] Về nghĩa vụ liên đới trả nợ của vợ chồng: Theo hợp đồng vay vốn chủ thể tham gia ký kết là ông Th. Tuy nhiên, mục đích vay tiền là để làm ăn kinh tế, phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, ngoài ra bà H (*vợ ông Th*) là người ủy quyền cho ông Th thực hiện việc vay vốn tại Ngân hàng CSXH. Với những căn cứ trên, theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần buộc vợ, chồng ông Th, bà H phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng CSXH là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Từ những nhận định như trên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CSXH. Buộc ông Th, bà H có nghĩa vụ liên đới trả toàn bộ số nợ tính đến ngày 24-5-2022 (ngày Tòa án xét xử) tổng số nợ là 55.533.428 đồng, trong đó dư nợ gốc là 42.000.000 đồng; tiền lãi phát sinh do chậm trả nợ là 13.533.428 đồng; buộc ông Th, bà H phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng vay vốn.

[6] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự giữa Ngân hàng CSXH với ông Th, bà H được xác lập sau ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên căn cứ vào các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật ban hành quy phạm pháp luật thì áp dụng pháp luật tại thời điểm xác lập là các quy định có liên quan như: Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch trên số tiền nợ 55.533.428 đồng; cụ thể: $55.533.428 \text{ đồng} \times 5\% = 2.776.671 \text{ đồng}$.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[9] Xét đề nghị và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đa Huoai, kiểm sát viên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 232; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463; 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đa Huoai đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Hồng H về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

2. Buộc ông Nguyễn Văn Th bà Nguyễn Thị Hồng H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Đa Huoai số tiền 55.533.428 đồng (*năm mươi lăm triệu, năm trăm ba mươi ba ngàn, bốn trăm hai mươi tám đồng*), trong đó dư nợ gốc là 42.000.000 đồng; tiền lãi phát sinh do chậm trả nợ là 13.533.428 đồng.

Kể từ ngày 25/5/2022 ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Hồng H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số nợ gốc chưa Th toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn, nếu có sự điều chỉnh lãi thì phải thực hiện điều chỉnh theo quy định của hợp đồng cho đến khi Th toán xong khoản tiền gốc.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 2.776.671 đồng (*hai triệu, bảy trăm bảy mươi sáu ngàn, sáu trăm bảy mươi một đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (*ngày 24/5/2022*) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bị đơn ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Hồng H vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Đạ Huoai (02);
- Chi cục THADS huyện Đạ Huoai (02);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Ngân hàng CSXH (01);
- Phòng GD ngân hàng CSXH Đạ Huoai (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Ấn văn (03);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Lập